

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày 05-02-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly
hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Khoát.

Ông Hoàng Xuân Cương.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Phấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Lê Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 94/2020/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Ma Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 9 năm 2020, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh Ma Văn T kết hôn tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 02 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2014, mặc dù thời

điểm đó đã có phát sinh một số mâu thuẫn nhỏ do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, anh Ma Văn T sống không có trách nhiệm với vợ con, không tu trí làm ăn, thường xuyên đi uống rượu, chị khuyên bảo nhiều lần và bỏ qua cho nhau để chung sống. Nhưng từ năm 2015 trở lại đây anh Ma Văn T thường xuyên say rượu, đánh đập vợ con, đã nhiều lần chị bỏ về nhà ngoại để lánh nạn. Mâu thuẫn trầm trọng xảy ra vào tháng 7 năm 2020, anh Ma Văn T say rượu như mọi ngày, về nhà đánh chị, chị đã phải báo Công an xã H đến nhà can thiệp, nhắc nhở anh Ma Văn T thay đổi. Nhưng sau vài hôm anh Ma Văn T lại tiếp tục chửi, mắng, đánh đập chị, chị đã bỏ về bên ngoại sống ly thân anh Ma Văn T từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh Ma Văn T nhiều lần tìm chị chửi bới, đe dọa. Chị xác định cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nhiều năm nay, không thể khắc phục được, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh Ma Văn T nên không đồng ý quay về đoàn tụ vợ chồng, chị yêu cầu ly hôn với anh Ma Văn T.

Bị đơn anh Ma Văn T trình bày: Thời gian kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng như chị Nguyễn Thị M trình bày là đúng. Anh thừa nhận việc anh có thường xuyên uống rượu say là do anh thường xuyên uống rượu khi đi ăn cỗ ở địa phương, khi về nhà vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau về tình cảm. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào tháng 7/2020 anh đi uống rượu về đánh con để dạy dỗ, chị Nguyễn Thị M đã báo Công an xã H biết và đến nhà can thiệp, nhắc nhở anh. Nhưng sau vài hôm vợ chồng lại tiếp tục chửi, mắng nhau, chị Nguyễn Thị M đã bỏ về bên ngoại ở. Anh chị sống ly thân nhau từ ngày 20/7/2020 đến nay. Sau đó có vài lần anh xuống bên ngoại đón chị Nguyễn Thị M về những chị Nguyễn Thị M không về chung sống, chứ không phải để đe dọa chị. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, chị Nguyễn Thị M không còn quan tâm gì đến anh. Nhưng theo anh chị Nguyễn Thị M vẫn còn tình cảm với anh, vì vậy chị Nguyễn Thị M yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, anh yêu cầu đoàn tụ với chị Nguyễn Thị M.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Ma Văn T có 02 con chung là Ma Văn T1, sinh ngày 12/01/2009 và Ma Đức T2, sinh ngày 17/01/2013. Hiện nay hai con đang ở với anh Ma Văn T. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị M và anh Ma Văn T thống nhất thỏa thuận, anh Ma Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là cháu Ma Văn T1, sinh ngày 12/01/2009 và cháu Ma Đức T2, sinh ngày 17/01/2013 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Sự thỏa thuận của anh chị phù hợp với nguyện vọng của hai con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Ma Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Ma Văn T không có nợ chung, nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành xác minh tại thôn P, xã H và tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn về mâu thuẫn vợ chồng; điều kiện nuôi con giữa chị Nguyễn Thị M và anh Ma Văn T. Trưởng thôn P và đại diện của Ủy ban nhân dân xã H cho biết: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị M và anh Ma Văn T có mâu thuẫn xảy ra từ nhiều năm nay, nguyên nhân là do anh Ma Văn T thường xuyên đi

uống rượu say về đánh vợ, đánh con. Chính quyền thôn P, Ủy ban nhân dân xã H và họ hàng hai bên của chị Nguyễn Thị M, anh Ma Văn T phải can thiệp. Hai con chung đang ở cùng anh Ma Văn T, tại địa phương anh Ma Văn T có nhà, đất ở riêng, có thể nuôi được hai con.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Về tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; bị đơn nhiều lần không chấp hành theo các giấy triệu tập, thông báo của Tòa án là chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị M là có căn cứ; sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị M và anh Ma Văn T về con chung để anh Ma Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con Ma Văn T1, Ma Đức T2 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, chị Nguyễn Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con, là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của hai con chung và phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; về tài sản chung anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có nên không đề nghị xem xét giải quyết; về án phí chị Nguyễn Thị M phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm: Trích lục khai sinh của hai con chung; các biên bản giao nhận văn bản tố tụng; biên bản xã minh tại thôn P, xã H, huyện C; công văn số 1456/CV-TAH ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Tòa án về việc xác minh thông tin vụ án; công văn số 180/UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C về trả lời xác minh thông tin vụ án; các biên bản kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Chị Nguyễn Thị M và anh Ma Văn T có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền; chị Nguyễn Thị M và anh Ma Văn T có 02 con chung là Ma Văn T1, sinh ngày 12/01/2009 và Ma Đức T2, sinh ngày 17/01/2013.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và anh Ma Văn T là hợp pháp. Vì được kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã thực hiện đúng các quy định pháp luật về đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, anh chị đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, do anh Ma Văn T thường xuyên say rượu về nhà đánh vợ, không tu trí làm ăn, thấy rằng anh Ma Văn T không có trách nhiệm xây dựng hạnh phúc gia đình, anh chị đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm, yêu thương, tôn trọng nhau, không thể khắc phục được mâu thuẫn. Điều này phù hợp với nội dung xác minh của Tòa án với chính quyền thôn P và Ủy ban nhân dân

xã H về mâu thuẫn của anh chị. Chị Nguyễn Thị M xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Ma Văn T, nên việc anh Ma Văn T cho rằng chị Nguyễn Thị M còn tình cảm với anh là không có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy anh chị không khắc phục được mâu thuẫn, ngược lại mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nay chị Nguyễn Thị M yêu cầu ly hôn với anh Ma Văn T là có căn cứ quy định tại các Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Yêu cầu đoàn tụ vợ chồng của anh Ma Văn T với lý do chị Nguyễn Thị M còn tình cảm với anh là không có căn cứ chấp nhận.

[2] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị M và anh Ma Văn T tự nguyện thỏa thuận để anh Ma Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Ma Văn T1, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2009 và Ma Đức T2, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2013 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản. Sự thỏa thuận này của anh chị là tự nguyện, phù hợp nguyện vọng của hai con, có căn cứ quy định pháp luật tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Ma Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết..

[4] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị M, anh Ma Văn T không có nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Ma Văn T.

2. Về con chung: Anh Ma Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Ma Văn T1, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2009 và Ma Đức T2, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2013. Chị Nguyễn Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Nguyễn Thị M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0000404 ngày 07 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- UBND xã H, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thanh Huyền